

Fast Accounting

Chuyên sâu về quản trị & tính giá thành

Phần mềm kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên công ty	Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp (FAST)
Tên tiếng anh	Fast Software Company
Tên giao dịch	FAST
Ngày thành lập	11 tháng 6 năm 1997
Đội ngũ	Trên 400 nhân viên tại Hà Nội, TPHCM và Đà Nẵng.
Lĩnh vực hoạt động	Phát triển, tư vấn và triển khai ứng dụng CNTT quản trị hoạt động và điều hành doanh nghiệp trên nền tảng CNTT.
Giải pháp, sản phẩm	<ul style="list-style-type: none">• Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và lớn: Fast Business Online (ERP), Fast Business (ERP), Fast Financial, Fast DMS Online, Fast CRM Online, Fast HRM Online• Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ: Fast Accounting, Fast Accounting Online• Phần mềm cho thực hành môn học kế toán máy: Fast Accounting Online for Education.• Lập trình chỉnh sửa theo yêu cầu đặc thù.
Mục tiêu	Là “Đối tác lâu dài, tin cậy” của khách hàng, nhân viên, cổ đông, các đối tác và cộng đồng.
Phương châm	Nhanh hơn – Thông minh hơn.
Thành tích	10 giải thưởng Sao Khuê của Hiệp hội Phần mềm Việt Nam VINASA 2 giải BITCup cho Giải pháp Phần mềm Tốt nhất do người dùng bình chọn 18 huy chương vàng, bạc, bằng khen, giải thưởng CNTT của các cơ quan chức năng, hiệp hội ngành nghề và tại các triển lãm tin học TOP 5 đơn vị phần mềm Giải thưởng "Nhân tài Đất Việt" do Báo điện tử Dân trí, tập đoàn VNPT và Đài truyền hình Việt Nam trao tặng.
Khách hàng	Hơn 18.000 khách hàng trên toàn quốc.
Trụ sở	Hà Nội: Tầng 3, Tòa nhà CT1B, khu VOV, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm ĐT: (024) 7108-8288, Fax: (024) 3771-5591. Hồ Chí Minh: Tòa nhà Waseco, 10 Phố Quang, Q. Tân Bình ĐT: (028) 7108-8788, Fax: (028) 3848-6068. Đà Nẵng: 39-41 Quang Trung, Q. Hải Châu ĐT: (0236) 381-0532, Fax: (0236) 381-2692.
Tổng đài	1900-2130
Email	info@fast.com.vn
Website	www.fast.com.vn

(Số liệu nêu trên tính đến ngày 30-06-2018)

THƯ GIỚI THIỆU

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty
Ông/Bà Kế toán trưởng
Ông/Bà phụ trách tin học

FAST là công ty chuyên sâu về phát triển và cung cấp các phần mềm, giải pháp quản trị tác nghiệp và điều hành doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin. Các phần mềm, giải pháp này sẽ giúp tự động hóa công các công việc thủ công nhằm chẵn, hỗ trợ làm việc sáng tạo, thông minh, giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh trên thị trường nhờ tốc độ, thông tin và khả năng khai thác thông tin.

FAST phát triển và cung cấp các giải pháp khác nhau về quy mô và yêu cầu:

Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và lớn:

- **Fast Business Online** – Giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp trên nền web (ERP)
- **Fast Business** – Giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp (ERP)
- **Fast Financial** – Phần mềm quản trị tài chính kế toán cho doanh nghiệp vừa và lớn
- **Fast DMS Online** – Phần mềm quản lý hệ thống phân phối
- **Fast CRM Online** – Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng
- **Fast HRM Online** – Phần mềm quản lý nhân sự - chấm công - tính lương - thuế TNCN.

Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ:

- **Fast Accounting** – Phần mềm kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
- **Fast Accounting Online** – Phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây.

Phần mềm cho thực hành môn học kế toán máy:

- **Fast Accounting Online for Education** – Phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây dành cho đào tạo.

Lập trình chỉnh sửa theo yêu cầu đặc thù:

FAST sẽ thực hiện lập trình chỉnh sửa phần mềm theo yêu cầu đặc thù về nghiệp vụ và quản trị của doanh nghiệp.

Quý Công ty có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với quy mô và yêu cầu hiện tại và nâng cấp, chuyển lên giải pháp cao hơn khi doanh nghiệp phát triển và mở rộng.

Trong tài liệu này chúng tôi xin giới thiệu đến Quý Công ty về **Fast Accounting** – Phần mềm kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. **Fast Accounting** vinh dự được nhận giải thưởng BITCup (Best Software Solution – Giải pháp phần mềm tốt nhất) của tạp chí vi tính PC World Việt Nam, giải thưởng Sao Khuê cho “Phần mềm tiêu biểu” của Hiệp hội phần mềm Việt Nam (VINASA) trao tặng.

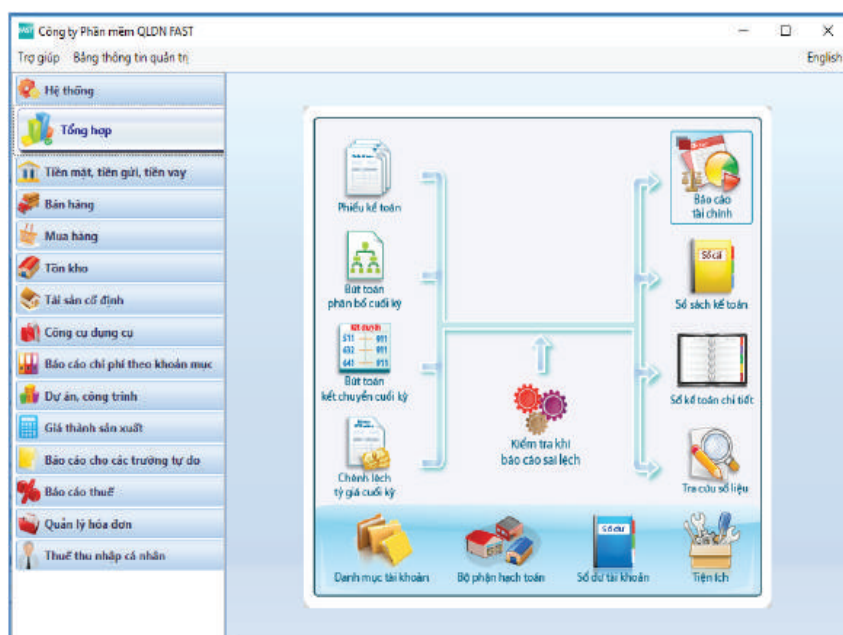
Quý Công ty có thể tham khảo thêm thông tin về **FAST** và các sản phẩm, dịch vụ của FAST, chi tiết hơn về sản phẩm **Fast Accounting** trên trang web www.fast.com.vn.

Trân trọng!
Công ty FAST.

TỔNG QUAN VỀ FAST ACCOUNTING

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có trên 14.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BITCup, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Fast Accounting có 4 phiên bản tương ứng với các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.

Fast Accounting được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

Phân hệ	Dịch vụ	Thương mại	Xây lắp	Sản xuất
1. Hệ thống	X	X	X	X
2. Kế toán tổng hợp	X	X	X	X
3. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay	X	X	X	X
4. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu (kết nối hóa đơn điện tử)	X	X	X	X
5. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	X	X	X	X
6. Kế toán hàng tồn kho	-	X	X	X
7. Kế toán TSCĐ	X	X	X	X
8. Kế toán CCDC	X	X	X	X
9. Báo cáo chi phí theo khoản mục	X	X	X	X
10. Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp	X	X	X	X
11. Kế toán giá thành sản xuất	-	-	-	X
12. Báo cáo thuế	X	X	X	X
13. Báo cáo quản trị các trường do người sử dụng tự định nghĩa	X	X	X	X
14. Quản lý hóa đơn	X	X	X	X
15. Thuế thu nhập cá nhân.	X	X	X	X



Menu các chức năng



Các tính năng chính

- Khai báo ngày bắt đầu của năm tài chính, có thể là ngày bất kỳ trong năm
- Khai báo kỳ bắt đầu nhập liệu vào phần mềm (kỳ mở sổ)
- Khai báo danh mục các loại tiền sử dụng
- Khai báo danh mục các đơn vị cơ sở (các công ty con, các chi nhánh...), cho phép quản lý số liệu riêng của từng đơn vị cấp dưới cũng như tổng hợp số liệu của toàn doanh nghiệp
- Khai báo các tham số hệ thống dùng chung cho toàn bộ phần mềm như mã đồng tiền hạch toán, hình thức sổ sách kế toán sử dụng...
- Khai báo các thông tin liên quan đến các màn hình cập nhật các giao dịch/các chứng từ như ẩn/hiện các trường, các thông tin ngầm định
- Khai báo các thông tin liên quan đến các quyền chứng từ, dùng để đánh số các chứng từ cùng loại có thể được nhập từ các màn hình giao dịch khác nhau
- Khai báo các thông tin tùy chọn giúp người sử dụng làm việc với phần mềm được thuận tiện hơn.

Quản lý người sử dụng

- Khai báo danh sách những người sử dụng phần mềm, mật khẩu truy cập, phân quyền truy cập các menu, phân quyền thực hiện các chức năng như tạo mới, xem, sửa, xóa, in...
- Phân quyền người sử dụng theo đơn vị cơ sở
- Xem các máy đang chạy chương trình, thống kê về sử dụng chương trình của từng người sử dụng.

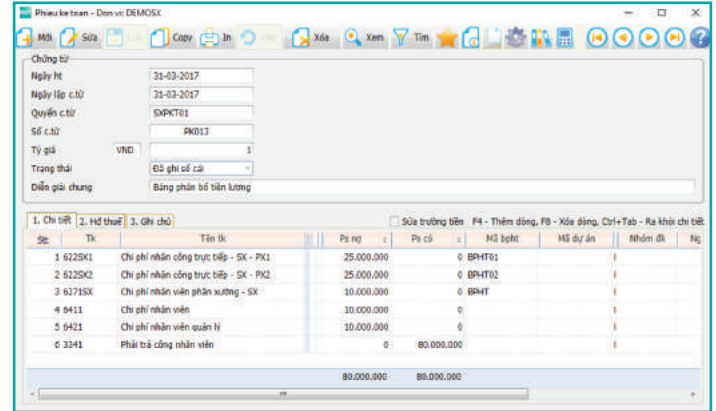
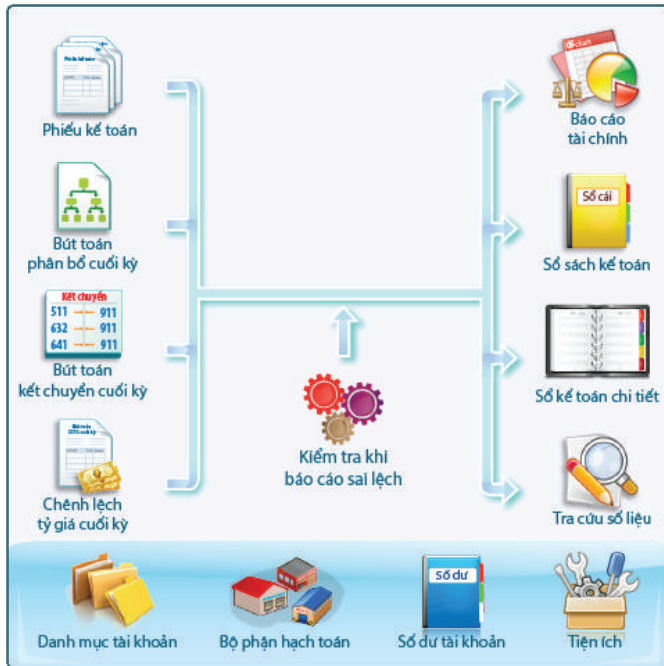
Quản lý số liệu

- Lưu trữ (back-up) số liệu: chương trình sẽ tự động lưu trữ theo lịch do người sử dụng khai báo, lưu trữ thành nhiều bản cho từng lần lưu trữ.
- Khóa số liệu: chương trình chỉ cho nhập mới, chỉnh sửa các số liệu phát sinh sau ngày đã khóa. Có thể khóa cho toàn bộ hệ thống hoặc khóa riêng cho từng màn hình giao dịch
- Bảo trì số liệu: xóa các bản ghi không hợp lệ, có thể do import số liệu, chuyển đổi số liệu từ phần mềm cũ; tối ưu việc lưu trữ và dung lượng lưu trữ dữ liệu (shrink database)
- Kiểm tra các tệp số liệu, loại bỏ những bản ghi không đồng bộ giữa các tệp số liệu, có thể do mất điện, rớt mạng đột ngột khi lưu số liệu, virus, lỗi ổ cứng...
- Sao chép số liệu vào ra (import/export), có thể sử dụng khi chuyển số liệu từ các đơn vị về văn phòng công ty...

KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Trong phân hệ “Kế toán Tổng hợp” người sử dụng có thể cập nhật các phiếu kế toán tổng quát, các bút toán điều chỉnh, các bút toán định kỳ, các bút toán phân bổ cuối kỳ, thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ và thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ. Phân hệ kế toán tổng hợp thực hiện tổng hợp số liệu từ tất cả các phân hệ khác, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo quy định của Bộ tài chính và theo các mẫu đặc thù do người sử dụng khai báo phục vụ quản trị nội bộ.

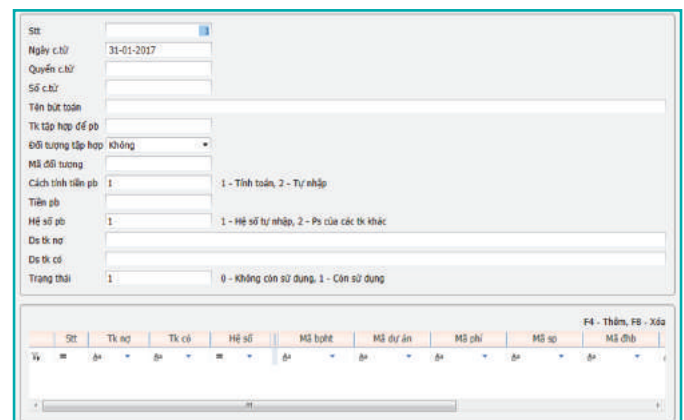
Menu các chức năng



Ví dụ về màn hình nhập chứng từ “Phiếu kế toán”

Xử lý số liệu cuối kỳ

- Người sử dụng khai báo các bút toán cuối kỳ: cách thức tính toán, hạch toán nợ có... Dựa vào khai báo chương trình sẽ thực hiện tập hợp số liệu, tính toán và tạo các bút toán
- Bút toán phân bổ cuối kỳ: có thể khai báo tập hợp theo tài khoản và một đối tượng như bộ phận hạch toán, dự án... đối tượng nhận phân bổ là các tài khoản và các đối tượng như bộ phận hạch toán, dự án, đơn hàng... Đối với các trường hợp phân bổ phức tạp liên quan đến bài toán tính giá thành sản xuất, giá thành dự án, xây lắp thì thực hiện tại các phân hệ tương nghiệp vụ tương ứng.



Hệ thống tài khoản

- Mã tài khoản có độ dài tới 16 ký tự
- Khai báo các thông tin liên quan đến từng tài khoản như tài khoản mẹ, loại tài khoản, có theo dõi công nợ hay không, một số trường đi kèm phải nhập và các mã ngầm định
- Chương trình cho phép thực hiện việc đổi, ghép mã tài khoản.

Cập nhật chứng từ

- Cập nhật các phát sinh không được cập nhật ở các phân hệ nghiệp vụ khác tại màn hình phiếu kế toán
- Có thể nhập trên 1 phiếu kế toán nhiều nhóm định khoản 1 nợ/nhiều có hoặc nhiều nợ/1 có và thực hiện kiểm soát cân đối tổng phát sinh nợ bằng tổng phát sinh có của từng nhóm định khoản
- Khi nhập các chứng từ giống nhau (ví dụ các bút toán định kỳ) chương trình có tiện ích cho phép sao chép thông tin từ một chứng từ cũ sang một chứng từ mới.

- Bút toán kết chuyển cuối kỳ: khai báo tài khoản tập hợp số liệu để kết chuyển đi và tài khoản nhận số liệu kết chuyển đến. Có thể kết chuyển chi tiết theo nhiều đối tượng khác nhau như bộ phận hạch toán, dự án, mã phí...

- Bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ: khai báo và thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ đối với các tài khoản có gốc ngoại tệ. Đối với các tài khoản có theo dõi chi tiết công nợ thì sẽ đánh giá chênh lệch cho từng đối tượng công nợ.

Các tiện ích

- Nhập (import) số dư ban đầu của tài khoản từ excel
- Nhập (import) chứng từ từ excel
- Đánh lại các số chứng từ đã phát sinh
- Kiểm tra số liệu: Khi bảng cân đối kế toán không cân, bảng cân đối phát sinh tài khoản bị sai lệch thì chương trình có chức năng kiểm tra một loạt các nguyên nhân dẫn đến các sai lệch này, đưa ra các giao dịch gây lỗi, hoặc các khai báo chưa đúng... giúp người sử dụng có thể chỉnh sửa để lên báo cáo đúng.

Báo cáo tài chính

- Lên đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định
- Luôn được cập nhật theo quy định mới nhất của Bộ tài chính
- Người sử dụng có thể tự khai báo các mẫu báo cáo tài chính theo yêu cầu, khai báo các chỉ tiêu, công thức tính toán của các chỉ tiêu
- Có các báo cáo tài chính cho nhiều kỳ, báo cáo tài chính chi tiết theo các đơn vị cơ sở (công ty thành viên), bộ phận hạch toán.

Chi tiêu	Mã số	01-01-2017	01-02-2017	01-03-2017	Tổng cộng
10 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	297.500.000	506.000.000	827.950.000	1.631.450.000
20 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
30 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	297.500.000	506.000.000	827.950.000	1.631.450.000
40 4. Giá vốn hàng bán	11	260.261.728	447.855.003	724.497.815	1.432.634.546
50 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.238.272	58.144.997	103.452.185	198.815.454
60 6. Doanh thu hoạt động tài chính	21				
70 7. Chi phí tài chính	22				
71 - Trong đó: Chi phí lãi vay	23				
80 8. Chi phí bán hàng	25	12.762.500	12.762.500	12.762.500	38.287.500
90 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.662.500	12.662.500	12.662.500	37.987.500
100 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	11.793.272	32.719.997	78.027.185	122.540.454
110 11. Thu nhập khác	31				
120 12. Chi phí khác	32				
130 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40				
140 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	50	11.793.272	32.719.997	78.027.185	122.540.454
150 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
160 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
170 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.793.272	32.719.997	78.027.185	122.540.454
180 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				
190 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				

Sổ sách kế toán

- Lên đầy đủ các sổ kế toán theo quy định. Luôn được cập nhật theo quy định mới nhất của Bộ tài chính
- Cho phép chọn in ấn sổ sách theo hình thức nhật ký chung hoặc chứng từ ghi sổ
- Lên các sổ kế toán chi tiết theo quy định.

Bảng thông tin quản trị

- Bảng thông tin quản trị cung cấp các thông tin quản trị một cách nhanh chóng dựa trên gần 20 báo cáo quản trị thường dùng. Người sử dụng cũng có thể khai báo thêm các báo cáo theo yêu cầu riêng. Mỗi khi thay đổi báo cáo lựa chọn, khoảng thời gian báo cáo hoặc đơn vị báo cáo thì chương trình đưa ngay ra kết quả, cung cấp thông tin tức thời cho các cán bộ quản lý.

Tra cứu số liệu

- Chương trình cung cấp một loạt báo cáo cho phép tra cứu số liệu của toàn bộ hệ thống một cách nhanh chóng, tiện lợi. Có những báo cáo cho phép người sử dụng chọn các trường số liệu muốn xem và lưu lại mẫu này để sử dụng cho các lần tiếp theo. Có thể lưu nhiều báo cáo như vậy.

KẾ TOÁN TIỀN MẶT, TIỀN GỬI, TIỀN VAY

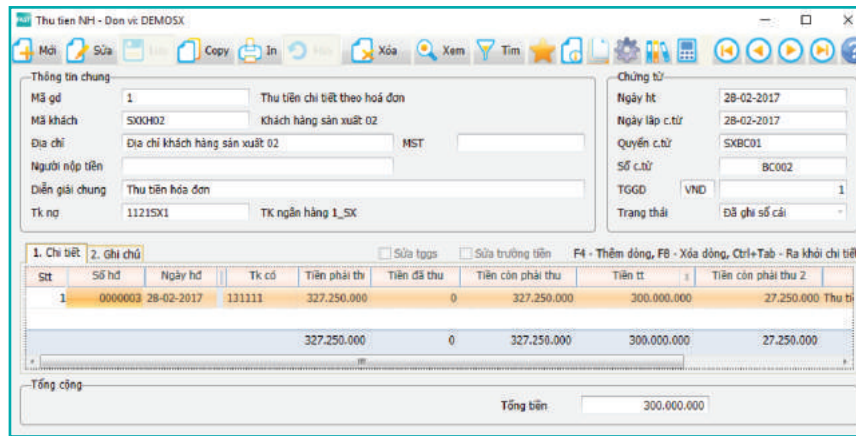
Phần hệ “Kế toán Tiền mặt, Tiền gửi, Tiền vay” thực hiện các giao dịch thu chi, thanh toán, giúp người sử dụng quản lý chặt chẽ, chi tiết việc thu chi theo đúng đối tượng, đúng chứng từ - hóa đơn, hợp đồng, dự án, đơn hàng, kế ược vay...

Menu các chức năng



Thực hiện các giao dịch thu chi

- Thực hiện thanh toán với sự chỉ rõ chi tiết đến hóa đơn, hợp đồng, đơn hàng, dự án, kế ược, bộ phận hạch toán...
- Thực hiện thu chi liên quan đến 1 hoặc nhiều đối tượng - khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên... trên cùng 1 chứng từ
- Trong trường hợp chi thanh toán thẳng cho các chi phí (không qua công nợ) chương trình có các tiện ích liên quan đến tính thuế GTGT (giá đã bao gồm thuế và giá chưa bao gồm thuế) cũng như nhập các thông tin liên quan đến hóa đơn thuế GTGT đầu vào
- Đối với các phát sinh ngoại tệ cho phép quản lý và hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ. Chương trình tự động tính toán tỷ giá ghi sổ. Cho phép người sử dụng chỉnh sửa khi quy đổi ra đồng tiền hạch toán bị lè
- Kiểm soát chi âm quỹ với các lựa chọn: không cho chi, chỉ cảnh báo, không có cảnh báo
- Có thể in từ chương trình phiếu thu, phiếu chi, UNC theo mẫu đặc thù, người dùng có thể chỉnh sửa
- Nhiều UNC theo mẫu sẵn có của các ngân hàng.



Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục và số dư từ file excel.

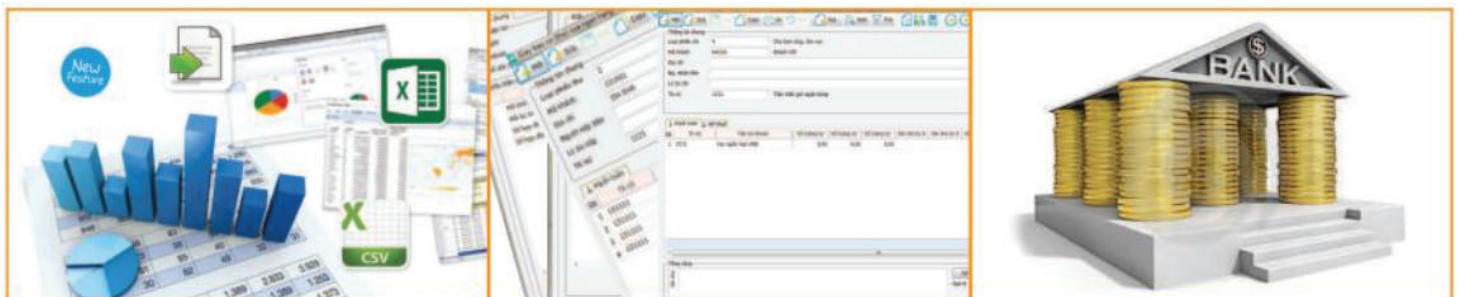
Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
 - Các báo cáo tiền mặt
 - Các báo cáo tiền gửi ngân hàng
 - Các báo cáo tiền vay.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp khác nhau.

SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
 NƠI MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH:
 SỐ HIỆU TÀI KHOẢN TẠI NƠI GỬI:
 TÀI KHOẢN: 112 - TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
 TỪ NGÀY: 01-01-2017 ĐẾN NGÀY: 31-03-2017

SỐ DƯ NỢ ĐẦU KỲ: 3.434.400.000

NGÀY, THÁNG GHI SỐ	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TK D./N.G	SỐ TIỀN			GHI CHÚ
	SỐ HIỆU	NGÀY, THÁNG			THU (GỬI VÀO)	CHI (RÚT RA)	CÒN LẠI	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
02-01-2017	BH001	02-01-2017	Chi trả tiền điện thoại	331111		1.870.000	3.432.530.000	
02-01-2017	BH015	02-01-2017	Chi tiền bảo hiểm	3382		600.000	3.431.930.000	
02-01-2017	BH015	02-01-2017	Chi tiền bảo hiểm	3383		7.200.000	3.424.730.000	
02-01-2017	BH015	02-01-2017	Chi tiền bảo hiểm	3384		1.350.000	3.423.380.000	
02-01-2017	BH015	02-01-2017	Chi tiền bảo hiểm	3386		600.000	3.422.780.000	
03-01-2017	BH002	03-01-2017	Chi trả tiền điện	331111		4.450.000	3.418.330.000	
03-01-2017	BH003	03-01-2017	Chi trả tiền nước	331111		1.000.000	3.417.330.000	
03-01-2017	BH012	03-01-2017	Thanh toán tiền lương tháng 12/2013	3341		77.150.000	3.340.180.000	
01-01-2017	BC001	31-01-2017	Thu tiền hóa đơn	131111	327.250.000		3.666.500.000	
02-02-2017	BH013	02-02-2017	Thanh toán tiền lương tháng 01	3341		77.150.000	3.589.250.000	
02-02-2017	BH010	02-02-2017	Chi tiền bảo hiểm	3382		600.000	3.588.650.000	
02-02-2017	BH010	02-02-2017	Chi tiền bảo hiểm	3383		7.200.000	3.581.450.000	
02-02-2017	BH010	02-02-2017	Chi tiền bảo hiểm	3384		1.350.000	3.580.100.000	
02-02-2017	BH010	02-02-2017	Chi tiền bảo hiểm	3386		600.000	3.579.500.000	
03-02-2017	BH004	03-02-2017	Chi trả tiền điện	331111		4.400.000	3.575.100.000	
03-02-2017	BH005	03-02-2017	Chi trả tiền điện thoại	331111		1.870.000	3.573.230.000	
03-02-2017	BH006	03-02-2017	Chi trả tiền nước	331111		1.980.000	3.571.250.000	
28-02-2017	BC002	28-02-2017	Thu tiền hóa đơn	131111	300.000.000		3.871.250.000	
02-03-2017	BH014	02-03-2017	Thanh toán tiền lương tháng 02	3341		77.150.000	3.794.100.000	
02-03-2017	BH017	02-03-2017	Chi tiền bảo hiểm	3382		600.000	3.793.500.000	



KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU

Phân hệ “Kế toán Bán hàng và Công nợ Phải thu” theo dõi chu trình bán hàng từ bước lập đơn hàng đến xuất hàng, phát hành hóa đơn và thu tiền, giúp cho việc tiếp nhận đơn hàng đầy đủ, giao hàng đúng hạn và thu tiền kịp thời. Cung cấp các báo cáo bán hàng đa dạng, hỗ trợ phân tích bán hàng như nhóm hàng bán chạy, mặt hàng lãi cao, các khách hàng thường xuyên, khách hàng thanh toán đúng hạn... từ đó đưa ra phương án bán hàng tốt hơn, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

Menu các chức năng



Danh mục khách hàng

- Mã khách hàng lên tới 16 ký tự
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại khách hàng phục vụ thống kê, phân tích
- Kiểm tra mã số thuế hợp lệ, trùng mã số thuế
- Quản lý khách hàng theo đơn vị trong trường hợp có nhiều đơn vị sử dụng chung một cơ sở dữ liệu
- Nhiều thông tin hỗ trợ như tài khoản ngân hàng, điều khoản thanh toán...

Thực hiện các giao dịch, cập nhật chứng từ bán hàng và thu tiền

- Các giao dịch, chứng từ bán hàng
 - Đơn hàng, hợp đồng bán
 - Hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho
 - Hóa đơn dịch vụ
 - Phiếu nhập hàng bán, dịch vụ bị trả lại
 - Hóa đơn giảm giá hàng bán, giảm giá dịch vụ.

- Thu tiền bán hàng
 - Thu tiền bán hàng, nhận tiền khách hàng thanh toán (tiền mặt, tiền gửi)
 - Chứng từ phải thu khác, chứng từ bù trừ công nợ
 - Phân bổ tiền đã thu cho các hóa đơn.
- Theo dõi hóa đơn bán hàng chi tiết theo nhân viên/bộ phận kinh doanh, thời hạn thanh toán... Theo dõi nhiều đơn hàng, hợp đồng, dự án trên 1 hóa đơn. Kiểm tra số dư hiện thời của khách hàng
- Có thể tạo phiếu thu khi lưu hóa đơn bán hàng thu tiền ngay
- Tự động tính toán thuế và chuyển thông tin sang bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ bán ra. Có thể sửa tiền thuế (làm tròn số). Theo dõi thuế theo dự án, hợp đồng
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh, bút toán bù trừ giữa các khách hàng hoặc với nhà cung cấp.
- Thu tiền có thể thực hiện riêng và sau đó phân bổ tiền thu cho các hóa đơn
- In hóa đơn từ chương trình trên mẫu in sẵn hoặc in trực tiếp từ chương trình.

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tên kho	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tỷ lệ ch (%)
1	SXTP02	Sản xuất thành phẩm 02	Cái	SXTP		80,000	100,000,000	8,000,000	0,00
2	SXTP03	Sản xuất thành phẩm 03	Cái	SXTP		718,000	145,000,000	102,950,000	0,00
3	SXTP04	Sản xuất thành phẩm 04	Cái	SXTP		308,000	179,000,000	51,000,000	0,00
						0,000	1,094,000	161,950,000	

Ví dụ về màn hình nhập: “Hóa đơn bán hàng”

Các Tiện ích

- Nhập (import) danh mục và số dư ban đầu từ excel
- Nhập (import) chứng từ (hóa đơn) từ excel.

Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
 - Báo cáo bán hàng theo mặt hàng
 - Báo cáo bán hàng theo tài khoản
 - Báo cáo công nợ khách hàng
 - Báo cáo công nợ hóa đơn
 - Báo cáo đơn hàng.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích bán hàng, công nợ theo thời gian – nhiều kỳ, lũy kế, so sánh cùng kỳ khác năm... phân tích bán hàng, công nợ theo các chiều/đối tượng khác nhau...
- Một số báo cáo người sử dụng có thể tự chọn các cột số liệu lên báo cáo, thứ tự sắp xếp các cột, độ rộng các cột và lưu lại mẫu để sử dụng lại cho các lần tiếp theo.

BÁO CÁO TỔNG HỢP BÁN HÀNG							
TỪ NGÀY: 01-01-2017 ĐẾN NGÀY: 31-03-2017							
STT	MÃ VẬT TƯ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	TIỀN HÀNG	TIỀN THUẾ	TỔNG TIỀN TT
1	SXTP01	Sản xuất thành phẩm 01	Cái	3.750.000	262.500.000	26.250.000	288.750.000
2	SXTP02	Sản xuất thành phẩm 02	Cái	3.380.000	338.000.000	33.800.000	371.800.000
3	SXTP03	Sản xuất thành phẩm 03	Cái	3.710.000	537.950.000	53.795.000	591.745.000
4	SXTP04	Sản xuất thành phẩm 04	Cái	2.900.000	493.000.000	49.300.000	542.300.000
TỔNG CỘNG:					1.631.450.000	163.145.000	1.794.595.000

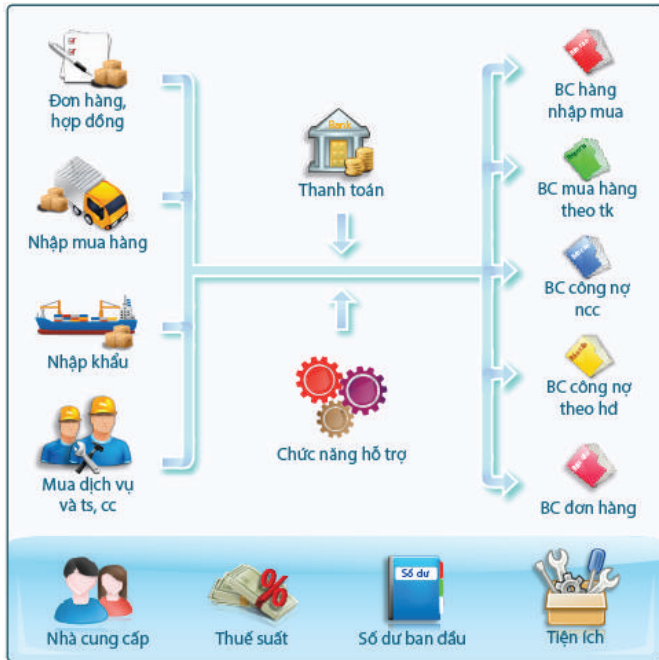
BẢNG KÊ CÔNG NỢ CỦA CÁC HOÁ ĐƠN THEO HẠN THANH TOÁN											
TỪ NGÀY: 01-01-2017 ĐẾN NGÀY: 31-03-2017											
NGÀY BÁO CÁO: 31-03-2017											
STT	HÓA ĐƠN		HẠN TT	NGÀY ĐẾN HẠN	TIỀN PHẢI THU	TIỀN ĐÃ THU	TRONG HẠN TT	QUÁ HẠN 1 - 30 NGÀY	QUÁ HẠN 31 - 60 NGÀY	QUÁ HẠN 61 - 90 NGÀY	QUÁ HẠN > 90 NGÀY
	NGÀY	SỐ									
Khách hàng sản xuất 01 - SXKH01					812.845.000	0	414.645.000	168.850.000	229.350.000	0	0
1	02-02	0000002	15	17-02	229.350.000				229.350.000		
2	03-03	0000004	15	18-03	168.850.000			168.850.000			
3	31-03	0000006	15	15-04	236.500.000		236.500.000				
4	31-03	0000007	15	15-04	178.145.000		178.145.000				
Khách hàng sản xuất 02 - SXKH02					654.500.000	300.000.000	327.250.000	27.250.000	0	0	0
1	28-02	0000003	15	15-03	327.250.000	300.000.000		27.250.000			
2	31-03	0000005	15	15-04	327.250.000		327.250.000				
TỔNG CỘNG:					1.467.345.000	300.000.000	741.895.000	196.100.000	229.350.000	0	0

(Xem thêm thông tin về Hóa đơn điện tử tại trang 25)

KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Phân hệ “Kế toán Mua hàng và Công nợ Phải trả” theo dõi quá trình mua hàng từ khi đặt mua cho đến nhận hàng, nhận hóa đơn và thanh toán cho nhà cung cấp. Các báo cáo về tồn kho, về đơn hàng bán... hỗ trợ cho việc đặt mua kịp thời, tồn kho tối ưu. Công nợ được theo dõi chi tiết theo hạn thanh toán của từng hóa đơn giúp cho việc thanh toán đúng hạn, xây dựng mối quan hệ tốt với nhà cung cấp.

Menu các chức năng



- Thanh toán cho nhà cung cấp
 - Chi thanh toán cho nhà cung cấp - bằng tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
 - Phiếu thanh toán tạm ứng
 - Chứng từ phải trả khác, chứng từ bù trừ công nợ
 - Phân bổ tiền đã trả cho các hóa đơn.
- Theo dõi nhiều đơn hàng, hợp đồng, dự án trên 1 phiếu nhập mua
- Các chi phí nhập mua, thuế nhập khẩu có thể nhập chung trên cùng phiếu nhập hoặc nhập riêng như là một phiếu nhập chi phí. Có các tiện ích cho việc phân bổ chi phí cho các mặt hàng
- Khi làm phiếu xuất trả lại nhà cung cấp có thể tra phiếu nhập mua
- Tự động tính toán thuế và cập nhật các thông tin liên quan đến hóa đơn thuế đầu vào và có thể nhập nhiều hóa đơn thuế đầu vào liên quan đến 1 phiếu nhập để lên bảng kê hóa đơn thuế GTGT đầu vào, có thể tách theo dự án, hợp đồng
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh, bút toán bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp hoặc với khách hàng
- Thanh toán có thể thực hiện riêng và sau đó phân bổ tiền thanh toán cho các hóa đơn
- In phiếu nhập kho, phiếu thanh toán tạm ứng từ chương trình trên mẫu in sẵn hoặc in trực tiếp từ chương trình.

Danh mục nhà cung cấp

- Mã nhà cung cấp lên tới 16 ký tự
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại nhà cung cấp phục vụ thống kê, phân tích
- Kiểm tra mã số thuế hợp lệ, trùng mã số thuế
- Quản lý nhà cung cấp theo đơn vị trong trường hợp có nhiều đơn vị sử dụng chung một cơ sở dữ liệu
- Nhiều thông tin hỗ trợ như tài khoản ngân hàng, điều khoản thanh toán...

Thực hiện các giao dịch, cập nhật chứng từ mua hàng và thanh toán

- Các giao dịch, chứng từ mua hàng
 - Đơn hàng, hợp đồng mua - nội địa và nhập khẩu
 - Nhập hàng mua – nội địa và nhập khẩu
 - Nhập mua xuất thẳng
 - Chi phí mua hàng
 - Xuất trả lại nhà cung cấp
 - Hóa đơn mua dịch và các hàng hóa khác (TSCĐ, CCDC...)

The screenshot shows the 'Nhập hàng' (Purchase) form in the FAST software. It includes fields for 'Mã ncc', 'Địa chỉ', 'Mã số thuế', and 'Số dư'. Below the form is a table with columns: 'Stt', 'Mã vật tư', 'Tên vật tư', 'Đơn vị', 'Mã kho', 'Đơn giá', 'Số lượng', 'Đơn giá', and 'Tiền hàng'. The table lists 5 items with their respective quantities and prices. At the bottom, there is a summary section with 'Tổng cộng' and 'Tổng tiền'.

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đơn vị	Mã kho	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Tiền hàng	Tk
1	SVL001	Sản xuất vật liệu chính 01	KG	SVKVC	32.500,000	30.000,000	1.089,000	32.670,000	1521
2	SVL002	Sản xuất vật liệu chính 02	KG	SVKVC	37.700,000	50.000,000	2.178,000	108.900,000	1521
3	SVL003	Sản xuất vật liệu chính 03	KG	SVKVC	37.100,000	50.000,000	3.168,000	158.400,000	1521
4	SVL004	Sản xuất vật liệu chính 04	KG	SVKVC	38.900,000	50.000,000	4.158,000	207.900,000	1521
5	SVL005	Sản xuất vật liệu chính 05	KG	SVKVC	12.000,000	20.000,000	5.148,000	102.960,000	1521
					158.208,000	200.000,000		610.830,000	

Summary: Tổng tiền hàng: 610.830,000; Tiền chi phí: 6.170,000; Tiền thuế GTGT: 61.291,200; Tổng tiền: 678.291,200.

Ví dụ về màn hình “Nhập hàng mua”

Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục và số dư ban đầu từ excel.

Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
 - Báo cáo hàng nhập mua
 - Báo cáo mua hàng theo tài khoản
 - Báo cáo công nợ của nhà cung cấp
 - Báo cáo công nợ hóa đơn
 - Báo cáo đơn hàng.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích hàng nhập mua, công nợ theo thời gian – nhiều kỳ, lũy kế, so sánh cùng kỳ khác năm... phân tích mua hàng, công nợ theo các chiều/đối tượng khác nhau...
- Một số báo cáo người sử dụng có thể tự chọn các cột số liệu lên báo cáo, thứ tự sắp xếp các cột, độ rộng các cột và lưu lại mẫu để sử dụng lại cho các lần tiếp theo.

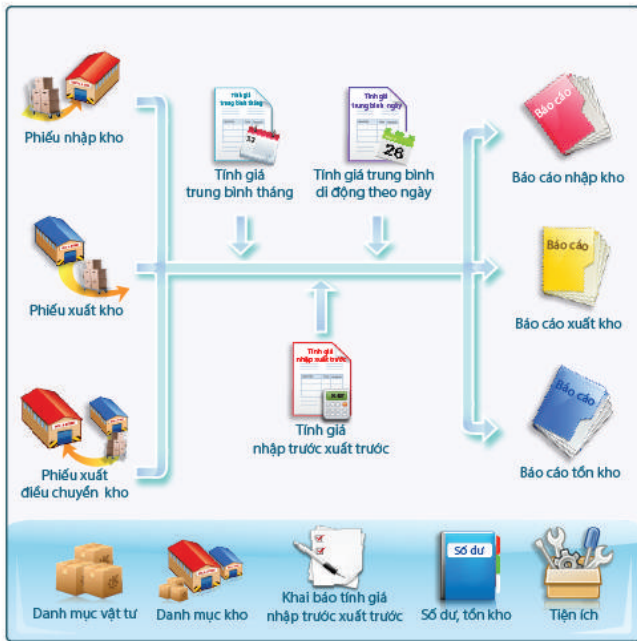
BÁO CÁO TỔNG HỢP HÀNG NHẬP MUA					
TỪ NGÀY: 01-01-2017 ĐẾN NGÀY: 31-03-2017					
STT	MÃ VẬT TƯ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	TIỀN HÀNG
1	SXVLC01	Sản xuất vật liệu chính 01	KG	60.000.000	60.000.000
2	SXVLC02	Sản xuất vật liệu chính 02	KG	100.000.000	200.000.000
3	SXVLC03	Sản xuất vật liệu chính 03	KG	100.000.000	300.000.000
4	SXVLC04	Sản xuất vật liệu chính 04	KG	100.000.000	400.000.000
5	SXVLC05	Sản xuất vật liệu chính 05	KG	40.000.000	200.000.000
6	SXVLP01	Sản xuất vật liệu phụ 01	KG	70.000.000	35.000.000
7	SXVLP02	Sản xuất vật liệu phụ 02	KG	70.000.000	70.000.000
8	SXVLP03	Sản xuất vật liệu phụ 03	KG	70.000.000	105.000.000
9	SXVLP04	Sản xuất vật liệu phụ 04	KG	70.000.000	140.000.000
10	SXVLP05	Sản xuất vật liệu phụ 05	KG	70.000.000	175.000.000
TỔNG CỘNG:					1.685.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM QLDN FAST (PHIÊN BẢN SẢN XUẤT)						
10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình TPHCM						
BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ THEO HÓA ĐƠN						
TỪ NGÀY: 01-01-2014 ĐẾN NGÀY: 31-12-2014						
CHỨNG TỪ	DIỄN GIẢI		PHẢI TRẢ	ĐÃ TRẢ	CÒN PHẢI TRẢ	HẠN TT
Cty Bưu chính Viễn Thông (SXNB05)						
02-01	0795561	Chi phí điện thoại	1.870.000	1.870.000		02-01
03-02	1230456	Chi phí điện thoại	1.870.000	1.870.000		03-02
03-03	0002312	Chi phí điện thoại	1.870.000	1.870.000		03-03
Cộng:			5.610.000	5.610.000	0	
Cty cấp nước Hà Nội (SXNB06)						
03-01	0249611	Chi phí tiền nước	1.980.000	1.980.000		03-01
03-02	0000123	Chi phí tiền nước	1.980.000	1.980.000		03-02
03-03	1234567	Chi phí tiền nước	1.980.000	1.980.000		03-03
Cộng:			5.940.000	5.940.000	0	
Cty Điện Lực Thành Phố (SXNB04)						
03-01	0021921	Chi phí tiền điện	4.400.000	4.400.000		03-01
03-02	1212300	Chi phí tiền điện	4.400.000	4.400.000		03-02
03-03	1456789	Chi phí tiền điện	4.400.000	4.400.000		03-03
Cộng:			13.200.000	13.200.000	0	
Nhà cung cấp sản xuất 01 (SXNB01)						
03-01	0087611	Nhập mua vật liệu phụ	571.725.000	500.000.000	71.725.000	03-01
03-01	0087612	Nhập mua vật liệu phụ	5.512.500		5.512.500	03-01
04-01	1087612		5.701.500		5.701.500	04-01
Cộng:			582.939.000	500.000.000	82.939.000	
Nhà cung cấp sản xuất 02 (SXNB02)						
03-01	1087601	Nhập mua vật liệu chính	591.327.000	591.327.000		03-01
08-01	2087121	Nhập mua vật liệu chính	671.913.000	158.673.000	513.240.000	08-01
08-01	2087122	Nhập mua vật liệu chính	6.478.500		6.478.500	08-01
Cộng:			1.269.718.500	750.000.000	519.718.500	
TỔNG CỘNG:			1.877.407.500	1.274.750.000	602.657.500	
NGƯỜI LẬP BIỂU (Ký, họ tên)			Ngày tháng năm			KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)
						Tên KTT

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Phân hệ “Kế toán hàng tồn kho” theo dõi mọi phát sinh nhập, xuất và điều chuyển kho. Người sử dụng có thể lựa chọn tính giá tồn kho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp: bình quân tháng, bình quân di động hoặc nhập trước xuất trước. Tốc độ tính giá cực nhanh, ngay cả khi với nhiều ngàn danh điểm vật tư và số lượng phiếu nhập xuất lớn. Nhiều báo cáo phục vụ thống kê và phân tích về hàng nhập, hàng xuất và hàng tồn kho.

Menu các chức năng



- Các giao dịch liên quan đến nhập mua, xuất bán được nhập tại các phân hệ tương ứng và tự động chuyển sang phân hệ kế toán hàng tồn kho.

- Giao dịch nhập/xuất có thể thực hiện với nhiều hợp đồng, dự án, lệnh sản xuất, nhiều mã nhập xuất (tài khoản đối ứng), nhiều mã kho
- Hỗ trợ việc tính các mặt hàng và số lượng hàng xuất dựa theo khai báo định mức sản phẩm
- Xuất điều chuyển có thể thực hiện 1 bước - tự động tạo phiếu nhập hoặc 2 bước - phiếu xuất riêng, phiếu nhập riêng
- Kiểm tra hàng tồn kho khi thực hiện xuất kho
- In chứng từ trên mẫu in sẵn hoặc trực tiếp từ chương trình.

Danh mục vật tư, hàng hóa

- Mã vật tư có độ dài tới 16 ký tự
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại vật tư phục vụ thống kê, phân tích
- Quản lý nhà cung cấp theo đơn vị trong trường hợp có nhiều đơn vị sử dụng chung một cơ sở dữ liệu
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản kho, tài khoản giá vốn, tài khoản... để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán các giao dịch nhập xuất hàng hóa, vật tư.

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tên kho	Số lượng	Đơn giá	Tiền hàng
1	SKVLP01	Sản xuất vật liệu phụ 01	KG	SKVLP	10.000,000	500,000	5.000,000	
2	SKVLP02	Sản xuất vật liệu phụ 02	KG	SKVLP	20.000,000	1.000,000	20.000,000	
3	SKVLP03	Sản xuất vật liệu phụ 03	KG	SKVLP	10.000,000	1.500,000	15.000,000	
4	SKVLP03	Sản xuất vật liệu phụ 03	KG	SKVLP	10.000,000	1.500,000	15.000,000	
5	SKVLP04	Sản xuất vật liệu phụ 04	KG	SKVLP	20.000,000	2.000,000	40.000,000	
6	SKVLP05	Sản xuất vật liệu phụ 05	KG	SKVLP	10.000,000	2.500,000	25.000,000	
						119.400,000	80.000,000	320.000,000
						Tổng tiền		120.000,000

Thực hiện các giao dịch, cập nhật chứng từ nhập xuất

- Các giao dịch, chứng từ nhập xuất
 - Nhập kho
 - Xuất kho
 - Xuất điều chuyển
 - Lệnh sản xuất

Các tiện ích

- Nhập (import) các danh mục và số dư, tồn kho ban đầu từ excel
- Nhập (import) chứng từ từ excel
- Kiểm tra số liệu: Khi có sai lệch số kho và số chi tiết tài khoản hoặc giữa tồn kho và tồn kho trên các phiếu nhập tính theo phương pháp nhập trước xuất trước thì chương trình có chức năng kiểm tra một loạt các nguyên nhân dẫn đến các sai lệch này, đưa ra các giao dịch gây lỗi, hoặc các khai báo chưa đúng... giúp người sử dụng có thể chỉnh sửa để lên báo cáo đúng.

Tính giá hàng tồn kho

- Tính giá và cập nhật giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau: giá trung bình tháng, giá trung bình theo ngày, giá nhập trước xuất trước, giá đích danh

- Tốc độ tính giá cực nhanh, ngay cả khi với nhiều ngàn danh điểm vật tư và số lượng phiếu nhập xuất lớn. Có thể tính giá đúng cho trường hợp điều chuyển lòng vòng giữa các kho.

Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
 - Báo cáo nhập kho
 - Báo cáo xuất kho
 - Báo cáo tồn kho.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích hàng nhập, xuất, tồn – nhiều kỳ, lũy kế, so sánh cùng kỳ khác năm... phân tích hàng nhập, xuất, tồn theo các chiều/đối tượng khác nhau...
- Một số báo cáo người sử dụng có thể tự chọn các cột số liệu lên báo cáo, thứ tự sắp xếp các cột, độ rộng các cột và lưu lại mẫu để sử dụng lại cho các lần tiếp theo.

TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN							
KHO: TẤT CẢ CÁC KHO							
TỪ NGÀY: 01-01-2017 ĐẾN NGÀY: 31-03-2017							
STT	MÃ VẬT TƯ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	TỒN ĐẦU	SL NHẬP	SL XUẤT	TỒN CUỐI
1	SXTP01	Sản xuất thành phẩm 01	Cái		3.750,000	3.750,000	
2	SXTP02	Sản xuất thành phẩm 02	Cái		3.380,000	3.380,000	
3	SXTP03	Sản xuất thành phẩm 03	Cái		3.710,000	3.710,000	
4	SXTP04	Sản xuất thành phẩm 04	Cái		2.900,000	2.900,000	
5	SXVLC01	Sản xuất vật liệu chính 01	KG	6.000,000	60.000,000	33.500,000	32.500,000
6	SXVLC02	Sản xuất vật liệu chính 02	KG	4.000,000	100.000,000	66.300,000	37.700,000
7	SXVLC03	Sản xuất vật liệu chính 03	KG	4.000,000	100.000,000	66.900,000	37.100,000
8	SXVLC04	Sản xuất vật liệu chính 04	KG	3.000,000	100.000,000	64.100,000	38.900,000
9	SXVLC05	Sản xuất vật liệu chính 05	KG	2.000,000	40.000,000	30.000,000	12.000,000
10	SXVLP01	Sản xuất vật liệu phụ 01	KG	1.000,000	70.000,000	32.500,000	38.500,000
11	SXVLP02	Sản xuất vật liệu phụ 02	KG	1.000,000	70.000,000	64.300,000	6.700,000
12	SXVLP03	Sản xuất vật liệu phụ 03	KG	1.000,000	70.000,000	64.900,000	6.100,000
13	SXVLP04	Sản xuất vật liệu phụ 04	KG	500,000	70.000,000	62.100,000	8.400,000
14	SXVLP05	Sản xuất vật liệu phụ 05	KG	400,000	70.000,000	29.000,000	41.400,000

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tồn kỳ 1	Tồn kỳ 2	Tồn kỳ 3
1	SXTP01	Sản xuất thành phẩm 01	Cái	500,000		
2	SXTP02	Sản xuất thành phẩm 02	Cái	500,000	300,000	
3	SXTP03	Sản xuất thành phẩm 03	Cái	1.000,000	1.000,000	
4	SXTP04	Sản xuất thành phẩm 04	Cái	300,000	500,000	
5	SXVLC01	Sản xuất vật liệu chính 01	KG	53.500,000	43.500,000	32.500,000
6	SXVLC02	Sản xuất vật liệu chính 02	KG	79.700,000	59.700,000	37.700,000
7	SXVLC03	Sản xuất vật liệu chính 03	KG	79.100,000	59.100,000	37.100,000
8	SXVLC04	Sản xuất vật liệu chính 04	KG	80.900,000	60.900,000	38.900,000
9	SXVLC05	Sản xuất vật liệu chính 05	KG	33.000,000	23.000,000	12.000,000
10	SXVLP01	Sản xuất vật liệu phụ 01	KG	58.500,000	48.500,000	38.500,000
11	SXVLP02	Sản xuất vật liệu phụ 02	KG	46.700,000	26.700,000	6.700,000
12	SXVLP03	Sản xuất vật liệu phụ 03	KG	46.100,000	26.100,000	6.100,000
13	SXVLP04	Sản xuất vật liệu phụ 04	KG	48.400,000	28.400,000	8.400,000
14	SXVLP05	Sản xuất vật liệu phụ 05	KG	61.400,000	51.400,000	41.400,000

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Phân hệ "Kế toán TSCĐ" lưu giữ các thông tin cần thiết về TSCĐ từ thời điểm tăng đến khi giảm, giúp người sử dụng nắm rõ các thông tin kế toán về tài sản tại một thời điểm bất kỳ. Với các tính năng cho phép cập nhật các thay đổi liên quan đến tài sản như điều chuyển bộ phận sử dụng, điều chỉnh giá trị tài sản, điều chỉnh khấu hao kỳ... và khả năng khai báo phân bổ khấu hao đa dạng, linh hoạt phần mềm giúp cho việc quản lý TSCĐ đáp ứng các yêu cầu của kế toán một cách thuận tiện và chính xác.

Menu các chức năng



Thông tin về tài sản cố định

- Theo dõi các thông tin như nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, phương pháp tính khấu hao, số kỳ khấu hao, nhóm tài sản, loại tài sản, bộ phận sử dụng, lý do tăng, nước sản xuất, năm sản xuất...
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại tài sản phục vụ thống kê, phân tích
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản khấu hao, tài khoản chi phí - để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.

Thông tin chính		Thông tin phụ		Phụ tùng kèm theo	
Mã tài sản (số thẻ)	SXTS01	Mã phụ		Tk khấu hao	21411
Tên tài sản	Tài sản 01			Tk chi phí	6274
Nhóm tài sản	211	TSCĐ hữu hình		Mã phí	
Loại tài sản	L01	Nhà cửa, vật kiến trúc		Mã bphnt	BPHT
Lý do tăng	MM			Mã dự án	
Ngày tăng	20-12-2015			Phân nhóm 1	
Mã bpsd	SX			Phân nhóm 2	
Kiểu k.hao	1. Đường thẳng			Phân nhóm 3	
Số kỳ k.hao	240			Mã ĐVCS	DEMOSX
Tỷ lệ k.hao nhanh	0,00	Số kỳ đđ k.khao đầu kỳ			
Ngày bắt đầu tính k.hao	01-01-2017	Ngày kết thúc k.hao	31-12-2036		
Giá trị còn lại dựa vào k.hao kỳ cuối nếu <=	0				

1. Chi tiết giá trị ts		F4 - Thêm dòng, F8 - Xóa dòng, Ctrl+Tab - Ra khỏi chi tiết				
Stt	Ngày c.tử	Số c.tử	Diễn giải	Nguyên giá	Gt đđ k.hao	Gt còn lại
1	01-01-2017	1245h	Mua mới	240.000.000	12.000.000	228.000.000

Ví dụ về màn hình khai báo thông tin về TSCĐ

Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục tài sản từ excel.

Khai báo các thay đổi về tài sản

- Điều chỉnh tăng/giảm giá trị tài sản
- Điều chuyển bộ phận sử dụng
- Khai báo tạm dừng khấu hao
- Khai báo giảm tài sản
- Khai báo thôi khấu hao.

Tính khấu hao, phân bổ khấu hao, tạo bút toán sổ cái

- Bảng tính khấu hao TSCĐ

- Bảng tính khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Bảng tính khấu hao TSCĐ theo nguồn vốn
- Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ
- Bảng hạch toán phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng hạch toán phân bổ khấu hao TSCĐ - theo bộ phận.

Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
 - Báo cáo kiểm kê TSCĐ
 - Báo cáo tăng giảm TSCĐ
 - Báo cáo khấu hao TSCĐ.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích theo nhiều chiều/đối tượng khác nhau.

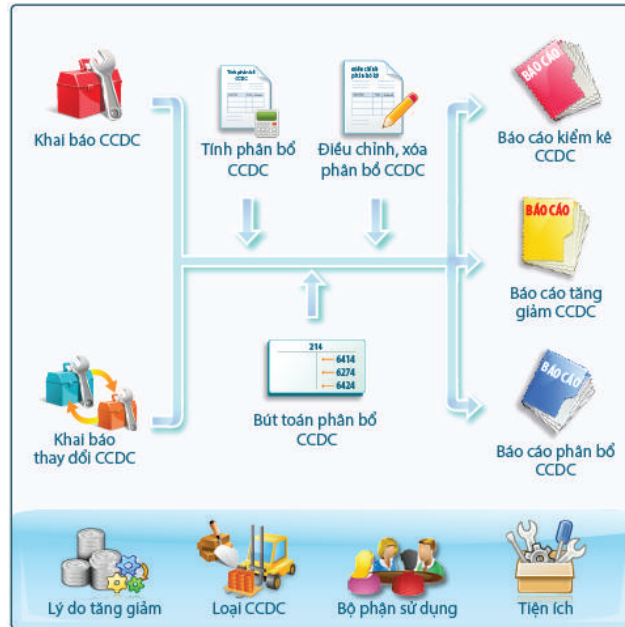
SỐ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH													
NĂM: 2017													
STT	GHI TĂNG TSCĐ							KHẤU HAO TSCĐ			GHI GIẢM TSCĐ		
	CHỨNG TỪ		TÊN, ĐẶC ĐIỂM, KÝ HIỆU TSCĐ	NƯỚC SẢN XUẤT	NGÀY ĐƯA VÀO SD	SỐ HIỆU TSCĐ	NGUYÊN GIÁ TSCĐ	KHẤU HAO		KH ĐÃ TÍNH ĐẾN KHI GHI GIẢM TSCĐ	CHỨNG TỪ		LỖ DO GIẢM TSCĐ
	SỐ HIỆU	NGÀY, THÁNG						TỶ LỆ (%) KH	MỨC KHẤU HAO		SỐ	NGÀY, THÁNG, NĂM	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
1	1245678	01-01-2017	Tài sản 01	Việt Nam	20-12-2015	TS001	240.000.000	,42	1.000.000				
2	1245678	12-12-2015	Tài sản 02	Việt Nam	12-12-2015	TS001	420.000.000	1,00	4.200.000				
3	1234567	12-12-2015	Tài sản 03		12-12-2015		300.000.000	1,00	3.000.000				
4	1234567	30-12-2016	Tài sản 05		20-12-2016		30.000.000	1,67	500.000				
5	1234567	30-12-2016	Tài sản 04		30-12-2016		142.500.000	,67	950.000				
CỘNG:							1.132.500.000		9.650.000	0			
Số này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01													
Ngày mở sổ: 01-01-2017													

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ								
TỪ KỶ: 01 ĐẾN KỶ: 03 NĂM 2017								
STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ THẺ	NGÀY TÍNH KH	SỐ KỶ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ KH TRONG KỶ	GIÁ TRỊ KH LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
1	Tài sản 01	SXTS01	01-01-2017	240	240.000.000	3.000.000	15.000.000	225.000.000
2	Tài sản 02	SXTS02	01-01-2017	100	420.000.000	12.600.000	54.600.000	365.400.000
3	Tài sản 03	SXTS03	01-01-2017	100	300.000.000	9.000.000	45.000.000	255.000.000
4	Tài sản 04	SXTS04	01-01-2017	150	142.500.000	2.850.000	2.850.000	139.650.000
5	Tài sản 05	SXTS05	01-01-2017	60	30.000.000	1.500.000	1.500.000	28.500.000
TỔNG CỘNG:					1.132.500.000	28.950.000	118.950.000	1.013.550.000

KẾ TOÁN CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Phần hệ "Kế toán CCDC" lưu giữ các thông tin cần thiết về CCDC từ thời điểm tăng đến khi giảm, giúp người sử dụng nắm rõ các thông tin kế toán về CCDC tại một thời điểm bất kỳ. Với các tính năng cho phép cập nhật các thay đổi liên quan đến CCDC như điều chuyển bộ phận sử dụng, điều chỉnh trích chi phí kỳ... và khả năng khai báo phân bổ chi phí đa dạng, linh hoạt phần mềm giúp cho việc quản lý CCDC đáp ứng các yêu cầu của kế toán một cách thuận tiện và chính xác.

Menu các chức năng



Thông tin về CCDC

- Theo dõi các thông tin như số lượng, nguyên giá, giá trị đã phân bổ, giá trị còn lại, phương pháp phân bổ chi phí, số kỳ phân bổ, nhóm CCDC, loại CCDC, bộ phận sử dụng, lý do tăng, nước sản xuất, năm sản xuất...
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại CCDC phục vụ thống kê, phân tích
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản chi phí chờ phân bổ, tài khoản chi phí - để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.

Thông tin chính		Thông tin phụ		Phụ tùng kèm theo	
Mã công cụ	DVCCBG01	Mã phụ		Tk chờ p.bổ	24228
Tên công cụ	Công cụ bàn ghế 01			Tk chi phí	6413
Nhóm công cụ	1531	Công cụ dụng cụ		Mã phí	
Loại công cụ	L01	Loại 01_Bàn ghế		Mã bphit	
Lý do tăng	MM	Mua mới		Mã dự án	
Ngày tăng	15-08-2016			Phân nhóm 1	
Ngày c.từ	01-01-2017			Phân nhóm 2	
Số c.từ	001			Phân nhóm 3	
Kiểu p.bổ	1. Theo thời gian			Mã EVCS	DEM0DV
Số kỳ p.bổ	24				
Ngày bắt đầu tính p.bổ	01-01-2017	Ngày kết thúc p.bổ	31-12-2018		
Đơn vị tính	cái				
Nguyên giá (đơn giá)	5.000.000	Giá đ. p.bổ	833.332		
Giá còn lại	4.166.668	Giá p.bổ 1 kỳ	208.333		
Giá trị còn lại đưa vào p.bổ kỳ cuối nếu <=	0				

Stt	Số thẻ	Ngày c.từ	Số c.từ	Mã bpsd	Tên bpsd	Số lượng	Nguyên giá
1	DVCCBG01	01-01-2017	001	VP	Văn phòng	1,000	5.000.000
Tổng cộng:						1,000	5.000.000

Ví dụ về màn hình khai báo thông tin về CCDC

Các tiện ích

- Nhập (import) danh mục CCDC từ excel.

Khai báo các thay đổi về tài sản

- Điều chuyển bộ phận sử dụng
- Khai báo tạm dừng phân bổ (trích chi phí)
- Khai báo giảm
- Khai báo hỏng
- Khai báo thôi phân bổ (trích chi phí).

Tính trích chi phí, phân bổ chi phí, tạo bút toán sổ cái

- Có thể tính giá trị trích chi phí cho trường hợp trong một kỳ CCDC được điều chuyển qua nhiều bộ phận sử dụng hoặc cho nhiều dự án/công trình
- Có thể điều chỉnh giá trị trích chi phí sau khi tính theo công thức

- Có thể khai báo cách thức phân bổ chi phí đa dạng, linh hoạt cho nhiều đối tượng như bộ phận hạch toán, dự án, sản phẩm, lệnh sản xuất
- Thực hiện tạo bút toán phân bổ chi phí và hạch toán vào sổ cái.

Các báo cáo

- Có các nhóm báo cáo sau:
 - Báo cáo kiểm kê CCDC
 - Báo cáo tăng giảm CCDC
 - Báo cáo trích chi phí CCDC.
- Mỗi nhóm báo cáo gồm nhiều báo cáo chi tiết, tổng hợp và phân tích theo nhiều chiều/đối tượng khác nhau.

SỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ														
NĂM: 2017														
STT	CHỨNG TỪ			GHI TĂNG CCDC				PHÂN BỐ CCDC				GHI GIẢM CCDC		
	SỐ HIỆU	NGÀY, THÁNG	TÊN, ĐẶC ĐIỂM, KÝ HIỆU CCDC	NƯỚC SẢN XUẤT	NGÀY ĐƯA VÀO SD	SỐ HIỆU CCDC	NGUYÊN GIÁ CCDC	PHÂN BỐ		PB ĐÃ TÍNH ĐẾN KHI GHI GIẢM CCDC	CHỨNG TỪ		LÝ DO GIẢM CCDC	
								TỶ LỆ (%) PB	MỨC PHÂN BỐ		SỐ	NGÀY, THÁNG, NĂM		
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L	
1	001	01-01-2017	DVCCBG01 - Công cụ bàn ghế 01		15-08-2016		5.000.000	4,17	208.333	934.138	0000001	15-01-2017	Thanh lý	
2	002	01-01-2017	DVCCBG02 - Công cụ bàn ghế 02		01-11-2016		6.000.000	4,17	250.000	500.000				
3	003A	01-01-2017	DVCCBG03A - Công cụ bàn ghế 03		05-01-2017		1.800.000	4,17	75.000					
4	003B	01-01-2017	DVCCBG03B - Công cụ bàn ghế 03		05-01-2017		2.400.000	4,17	100.000					
5	003C	01-01-2017	DVCCBG03C - Công cụ bàn ghế 03		05-01-2017		1.800.000	4,17	75.000					
6	004	01-01-2017	DVCCMT01 - Công cụ máy tính 01		01-03-2016		7.000.000	4,17	291.667	2.916.667				
7	005A	01-01-2017	DVCCMT02A - Công cụ máy tính 02		05-01-2017		3.750.000	4,17	156.250					
8	005B	01-01-2017	DVCCMT02B - Công cụ máy tính 02		05-01-2017		3.750.000	4,17	156.250					
9	006A	01-01-2017	DVCCMT03A - Công cụ máy tính 03		05-01-2017		1.500.000	4,17	62.500					
10	006B	01-01-2017	DVCCMT03B - Công cụ máy tính 03		05-01-2017		1.500.000	4,17	62.500					

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ CCDC					
TỪ KỶ: 01 ĐẾN KỶ: 03 NĂM 2017					
STT	MÃ CHỈ TIÊU	TÊN CHỈ TIÊU	LK ĐẾN ĐK	PS TRONG KỶ	LK ĐẾN CK
1	L01	Loại 01_Bàn ghế	1.333.332	1.600.806	2.934.138
2	L02	Loại 02_Máy tính	2.916.667	2.187.501	5.104.168
TỔNG CỘNG:			4.249.999	3.788.307	8.038.306

BÁO CÁO CHI PHÍ THEO KHOẢN MỤC

Phân hệ “Báo cáo chi phí theo khoản mục” lên các báo cáo chi tiết và tổng hợp cũng như báo cáo phân tích chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí sản xuất chung. Các khoản mục phí có thể theo dõi dựa vào các tiểu khoản, tiết khoản hoặc sử dụng một trường riêng để khai báo.

Menu các chức năng



Một số báo cáo chi phí theo khoản mục

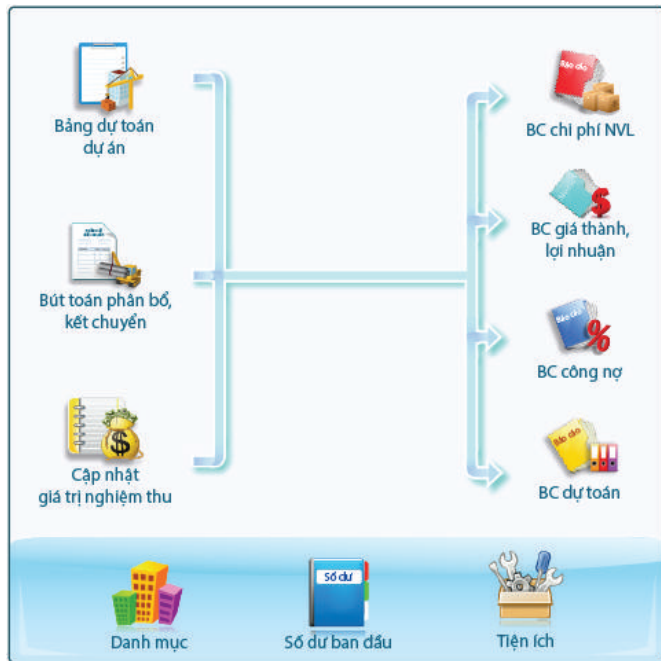
- Bảng kê chứng từ theo khoản mục phí/tiểu khoản.
- Tổng hợp số phát sinh theo khoản mục phí/tiểu khoản.
- Tổng hợp số phát sinh theo khoản mục phí – nhiều kỳ.
- Tổng hợp số phát sinh theo khoản mục phí – so sánh giữa 2 kỳ.
- ...

Stt	Tk	Tên tk	Kỳ 1	Σ	Kỳ 2	Σ	Kỳ 3	Σ	Tổng ps	Σ
1	641	Chi phí bán hàng	58.213.579		59.566.333		55.610.083		173.389.995	
2	6411	Chi phí nhân viên	26.920.500		26.920.500		26.920.500		80.761.500	
3	6413	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.209.746		562.500		1.231.250		6.003.496	
4	6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.083.333		2.083.333		2.458.333		6.624.999	
5	6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.000.000		30.000.000		25.000.000		80.000.000	
6	642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.901.884		40.630.917		42.324.667		122.857.468	
7	6421	Chi phí nhân viên quản lý	26.920.500		26.920.500		26.920.500		80.761.500	
8	6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	961.223		666.667		860.417		2.488.307	
9	6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	12.020.161		11.843.750		11.843.750		35.707.661	
10	6428	Chi phí bằng tiền khác			1.200.000		2.700.000		3.900.000	

KẾ TOÁN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

Phân hệ "Kế toán dự án, công trình" thực hiện tập hợp các chi phí liên quan đến từng dự án, công trình, lên các báo cáo giá thành cũng như báo cáo lãi lỗ, các báo so sánh giữa số dự toán và số thực tế. Các số liệu được theo dõi gồm số phát sinh trong kỳ, số lũy kế từ đầu năm và số lũy kế từ khi khởi công. Việc phân bổ chi phí và kết chuyển giá vốn được khai báo linh hoạt, bao quát nhiều trường hợp, đáp ứng yêu cầu đa dạng trên thực tế. Có thể theo dõi các dự án, công trình theo các phân nhóm khác nhau cũng như theo cấu trúc dự án, công trình mệ con.

Menu các chức năng



Thông tin về dự án, công trình

- Mã dự án, công trình lên tới 16 ký tự
- Theo dõi các thông tin như mã, tên, ngày bắt đầu, giá trị của dự án, giá thành dự toán, dự án mẹ, trạng thái của dự án...
- Có 3 trường, mỗi trường là một danh mục với nhiều mã, để phân nhóm, phân loại dự án công trình phục vụ thống kê, phân tích.

Theo dõi dự toán của dự án, công trình

- Dự toán công trình có thể khai báo chi tiết theo mã vật tư cụ thể trong danh mục vật tư hoặc theo mã dự toán chung
- Lên các báo cáo chi tiết và tổng hợp theo các mã dự toán, so sánh giữa phát sinh thực tế và dự toán.

Theo dõi giá trị thực hiện dự án, công trình và thanh toán theo giai đoạn

- Theo dõi giá trị thực hiện dự án, công trình và thanh toán theo giai đoạn
- Lên báo cáo giá trị thực và thanh toán của các dự án, công trình theo giai đoạn.

Theo dõi công nợ của dự án, công trình

- Theo dõi công nợ phải thu và phải trả của từng dự án, công trình
- Lên các báo cáo như sổ chi tiết công nợ, bảng cân đối số phát sinh công nợ theo dự án, công trình.

Tính giá thành và lãi lỗ dự án, công trình

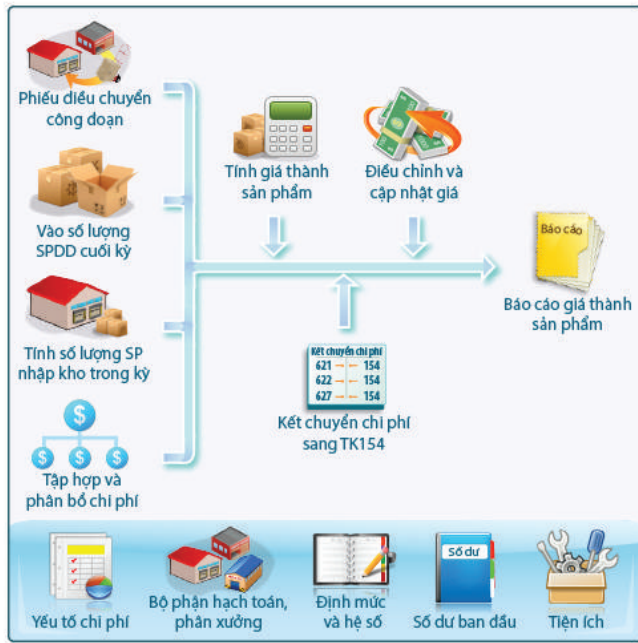
- Theo dõi các phát sinh theo dự án, công trình
- Chi phí tập hợp được phân bổ theo nhiều cách khác nhau: theo hệ số, theo phát sinh của tài khoản, theo giá thành của dự án, theo giá trị của dự án
- Chi phí có thể tập hợp thông qua các dự án "gián tiếp" và sau đó phân bổ cho các dự án "trực tiếp"
- Giá vốn có thể kết chuyển theo các phương pháp khác nhau: theo hệ số, theo so sánh giữa chi phí dở dang và doanh thu, theo so sánh giữa chi phí phát sinh và chi phí dự toán
- Lên các báo cáo đa dạng về chi phí, giá thành và kết quả sxkd của các dự án, công trình, theo số phát sinh trong kỳ, số lũy kế từ đầu năm và số lũy kế từ khi khởi công. Cho phép khai báo công thức tính cho các báo cáo.

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH									
TỪ NGÀY: 01-01-2017 ĐẾN NGÀY: 31-03-2017									
STT	MÃ DỰ ÁN	TÊN DỰ ÁN	DỰ ĐẦU KÝ	CP NVL	CP NC	CP MÁY THI CÔNG	CP SXC	CP THẦU PHỤ	TỔNG CP
1	DAA1	Hang mục A1		537.350.856	125.032.245	46.449.000	252.307.611	54.000.000	1.015.139.712
2	DAA2	Hang mục A2		1.428.555.339	1.134.800.305	127.584.793	749.661.864	245.000.000	3.685.602.295
3	DAB2	Hang mục B2		329.759.341	390.129.607	313.672.203	2.362.245.051	85.000.000	3.480.806.202
TỔNG CỘNG:				0	2.295.665.530	1.649.962.157	487.705.996	384.000.000	8.181.548.209

KẾ TOÁN GIÁ THÀNH SẢN XUẤT

Phân hệ “Kế toán Giá thành Sản xuất” thực hiện tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sản xuất. Chương trình có thể tính giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng (lệnh sản xuất) hoặc được sản xuất liên tục. Có thể áp dụng cho bài toán giá thành đơn giản hoặc phức tạp với nhiều công đoạn, chi phí có thể tập hợp trực tiếp hoặc phân bổ, hoặc kết hợp cả hai, tiêu chí phân bổ đa dạng – theo NVL, theo tiền lương, theo sản lượng... Nhiều báo cáo giúp phân tích cấu trúc giá thành một cách chi tiết.

Menu các chức năng



Tập hợp chi phí sản xuất

- Chi phí có thể tập hợp cho các đối tượng khác nhau: chỉ trực tiếp cho sản phẩm, theo lệnh sản xuất, theo phân xưởng (bộ phận trực tiếp), theo tài khoản hoặc tập hợp theo một đối tượng gián tiếp nào đó (bộ phận gián tiếp)...
- Chương trình có chức năng kiểm tra các chi phí phát sinh đã được cập nhật đầy đủ các thông tin cho đối tượng tập hợp chi phí chưa.

Phân bổ chi phí và tính giá thành sản phẩm

- Các chi phí không chỉ trực tiếp cho sản phẩm có thể lựa chọn cách phân bổ theo nhiều kiểu khác nhau: theo định mức vật tư (BOM), theo hệ số, theo số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ, theo các yếu tố chi phí khác

- Chương trình có nhiều chức năng kiểm tra số liệu dẫn đến chi phí tập hợp không phân bổ được: do khai báo thông tin sai hoặc chưa khai báo, do các phát sinh không cập nhật đủ thông tin hoặc chưa được cập nhật...
- Có chức năng tạo bút toán hạch toán phân bổ chi phí sang tài khoản chi phí sản xuất dở dang sau khi thực hiện bước phân bổ chi phí
- Giá thành sản phẩm được tính sau khi các chi phí tập hợp được phân bổ
- Giá thành sau khi được tính toán sẽ cập nhật cho các phiếu nhập thành phẩm vào kho.

Các báo cáo

- Các báo cáo về tập hợp chi phí
- Các báo cáo về phân bổ chi phí
- Các báo về giá thành sản phẩm
- Báo cáo so sánh giữa định mức và giá thành thực tế theo nguyên vật liệu.

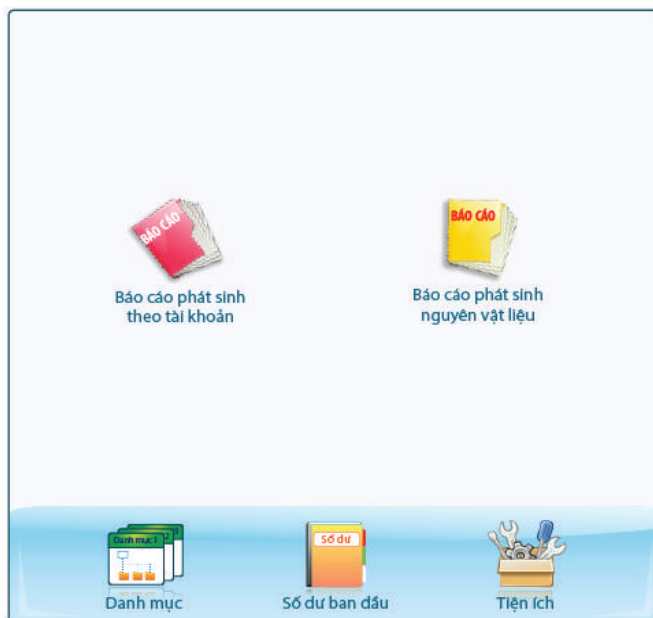
STT	HÀ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	NL NIÊU KỶ	ĐT ĐỊNH MỨC	GTSP TRONG KỶ	CP NVL	CP NC	CP CHUNG	
1	SXTP01	Sản xuất thành phẩm 01	Cái	1.500.000	55.243.887	88.885.230	72.320.187	12.906.963	3.830.500	
2	SXTP02	Sản xuất thành phẩm 02	Cái	1.200.000	87.683.700	183.232.536	88.542.072	11.186.035	4.934.432	
3	SXTP03	Sản xuất thành phẩm 03	Cái	1.500.000	128.828.191	192.229.228	168.842.981	19.891.339	8.482.759	
4	SXTP04	Sản xuất thành phẩm 04	Cái	800.000	140.265.148	117.082.917	102.866.287	9.815.291	5.381.548	
				Cộng:	5.800.000	421.829.587	584.129.912	433.784.547	48.616.295	21.917.470

STT	TÊN YTCP	SỐ LƯỢNG NHẬP KHO TRONG KỶ: 1.500.000				
		CPDD ĐẦU KỶ	CPPS TRONG KỶ	CPDD CUỐI KỶ	GTSP TRONG KỶ	
1	Nhóm chi phí nguyên vật liệu - tk 621	22.500.000	59.462.879	9.642.692	72.320.187	48.213.458
2	Nhóm chi phí nhân công - tk 622		14.627.891	1.720.928	12.906.963	8.604.642
3	Nhóm chi phí sản xuất chung - tk 627		4.123.158	485.078	3.838.080	2.425.387
TỔNG CỘNG:		22.500.000	78.213.928	11.848.698	88.885.230	59.243.487

BÁO CÁO THEO CÁC TRƯỜNG DO NGƯỜI DÙNG TỰ ĐỊNH NGHĨA

Ngoài những đối tượng quản lý chung của các doanh nghiệp như tài khoản, khách hàng, nhà cung cấp, hợp đồng, dự án, công trình, bộ phận hạch toán, lệnh sản xuất... còn có thể có những đối tượng thông tin cần theo dõi đặc thù riêng cho từng doanh nghiệp. Phần mềm có 3 trường cho phép người sử dụng tự định nghĩa để theo dõi các đối tượng này và có phân hệ báo cáo quản trị riêng cho các trường này.

Menu các chức năng



Các chức năng chính

- Có các trường dạng danh mục, trường kiểu số, kiểu ngày tháng, kiểu diễn giải để người dùng bổ sung cho nhu cầu quản lý
- Người dùng có thể khai báo tên trường, độ rộng, vị trí trên các màn hình giao dịch, nhập chứng từ cho các trường do người sử dụng tự định nghĩa.

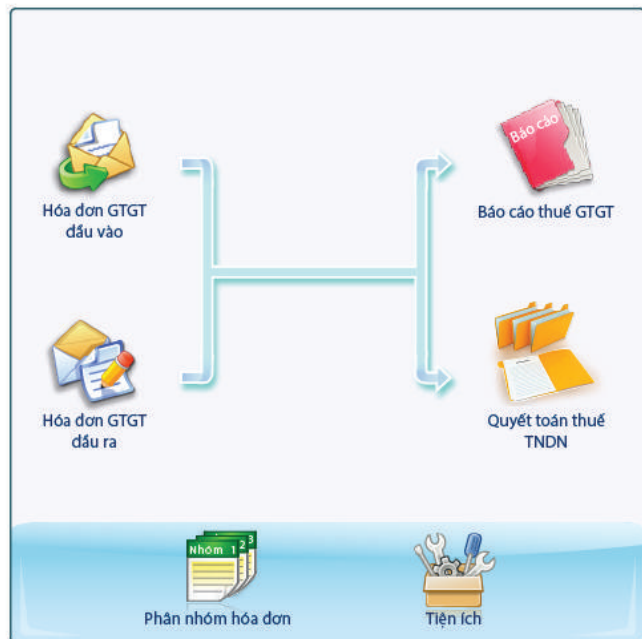
Các báo cáo

- Có báo cáo chi tiết và tổng hợp theo các trường do người sử dụng tự định nghĩa
- Có các báo theo dõi phát sinh theo tài khoản và theo nguyên vật liệu.

BÁO CÁO THUẾ

Phân hệ "Báo cáo Thuế" lên các báo cáo thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định. Số liệu được tập hợp từ các phân hệ nghiệp vụ khác. Có chức năng kiểm tra số liệu, đối chiếu giữa sổ cái và báo cáo thuế.

Menu các chức năng



- Người dùng có thể tự khai báo cách lấy dữ liệu của từng chỉ tiêu trên tờ khai thuế GTGT
- Tự động tính toán các chỉ tiêu cho lần đầu tiên vào tờ khai thuế và xuất ra tập XML để kết nối với phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục Thuế
- Có thể kết xuất số liệu trên các báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN trực tiếp sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục thuế để in theo mã vạch.

Báo cáo thuế

- Lên đầy đủ các báo cáo thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định
- Chương trình luôn được cập nhật các thông tư mới nhất do Bộ Tài chính ban hành.

Một số tính năng

- Có thể nhập nhiều hoá đơn GTGT đi kèm với một chứng từ hạch toán (phiếu chi, phiếu thanh toán tạm ứng, phiếu nhập mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ)
- Có thể ghi âm giá trị hàng mua vào và số tiền thuế GTGT được khấu trừ trên bảng kê thuế GTGT đầu vào và ghi âm doanh số và số tiền thuế GTGT phải nộp trên bảng kê thuế GTGT đầu ra
- Có thể gộp chung những khách hàng mua lẻ vào một mã khách hàng và không đòi nhập mã số thuế của khách hàng không có mã số thuế
- Có chức năng kiểm tra số liệu giữa sổ cái và báo cáo thuế trong trường hợp có sự sai lệch giữa 2 báo cáo này, giúp người dung nhanh chóng phát hiện ra các sai sót để khắc phục kịp thời

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/09/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Dành cho người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)
[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2017
[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế: Công ty Phần mềm QLDN FAST
[05] Mã số thuế: 0 1 0 0 7 2 7 8 2 5
[06] Địa chỉ: 10 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM
[07] Quận/Huyện: Quận Cầu Giấy [08] Tỉnh/Thành phố: TP Hà Nội
[09] Điện thoại: (04) 3771.5590 [10] Fax: (04) 3771.5591 [11] Email: info@fast.com.vn
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
[13] Mã số thuế:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/Huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:
[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:
[20] Hợp đồng đại lý thuế. Số: Ngày:

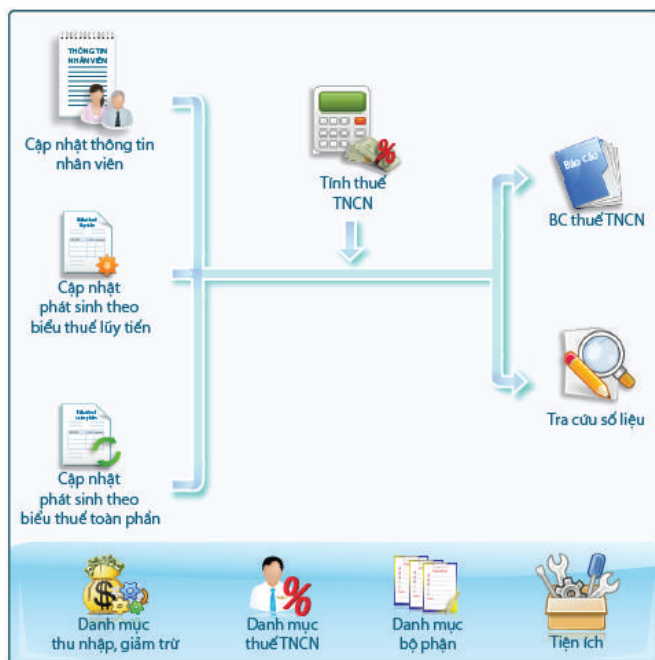
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHVD (CHƯA CÒN THUẾ GTGT)	THUẾ GTGT
B	Thuế GTGT còn được kỳ trước chuyển sang		[22]
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23] 1.692.500.000	[24] 168.407.500
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 168.407.500
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		

QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Phần hệ quản lý thuế TNCN cho phép khai báo, cập nhật các số liệu hàng tháng, tính toán thuế TNCN của các nhân viên trong công ty và lên các báo cáo theo luật định.

Menu các chức năng



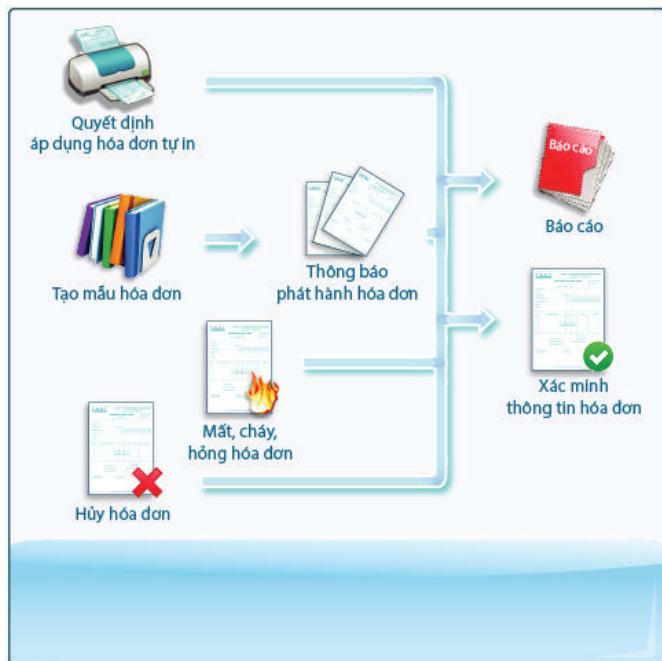
Các chức năng chính

- Khai báo thông tin nhân viên
- Cập nhật phát sinh theo biểu thuế lũy tiến
- Cập nhật phát sinh theo biểu thuế toàn phần
- Cập nhật điều chỉnh thuế khấu trừ
- Tính thuế TNCN
- Quyết toán thuế TNCN.

Các báo cáo

- Chương trình lên các báo cáo theo đúng quy định của Bộ tài chính và Bộ cục thuế.

Menu các chức năng



- Quản lý hóa đơn: đã lập, chưa lập, đã in, đã in bản sao...
- Lưu vết liên quan đến việc in, xóa hóa đơn
- Thông báo mất, hỏng, hủy, xóa bỏ và báo cáo sử dụng hóa đơn, thống kê chi tiết hóa đơn; Xem tình hình in hóa đơn
- Mã hóa thông tin hóa đơn thành dạng code và mã vạch nhận diện duy nhất cùng với công cụ giải mã kiểm tra trên phần mềm nhằm chống lại các hình thức gian lận hóa đơn như in mạo danh, in giả hóa đơn, cho phép in hóa đơn xác minh (không có khả năng sử dụng) để khách hàng đối chiếu
- Tích hợp tra cứu số mã vạch
- Lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn
- Chuyển dữ liệu sang phần mềm HTKK của Tổng cục thuế.

Các chức năng chính

- Lập quyết định tự in hóa đơn gắn với các loại hóa đơn mà doanh nghiệp sử dụng để tự in
- Khởi tạo mẫu hóa đơn, số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, dạng thức in, thông tin doanh nghiệp in gắn kèm với thông tin thông báo phát hành
- Người sử dụng dễ dàng tự tạo mẫu hóa đơn, có thể chèn hình ảnh, logo, thay đổi tiêu đề, thay đổi chữ ký, thay đổi nội dung không bắt buộc, đưa được vào khẩu hiệu, slogan của doanh nghiệp. Với mỗi mẫu hóa đơn có các chứng năng đi kèm: Quyết định sử dụng mẫu, Đăng ký sử dụng mẫu, Thông báo phát hành hóa đơn, ...
- Có sẵn mẫu các loại hóa đơn như: Hóa đơn bán hàng, Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Phiếu xuất kho gửi đại lý...
- Lập thông báo phát hành hóa đơn gắn với các loại hóa đơn đã được quyết định sử dụng, chi tiết thông tin phân quyền và quản lý hóa đơn



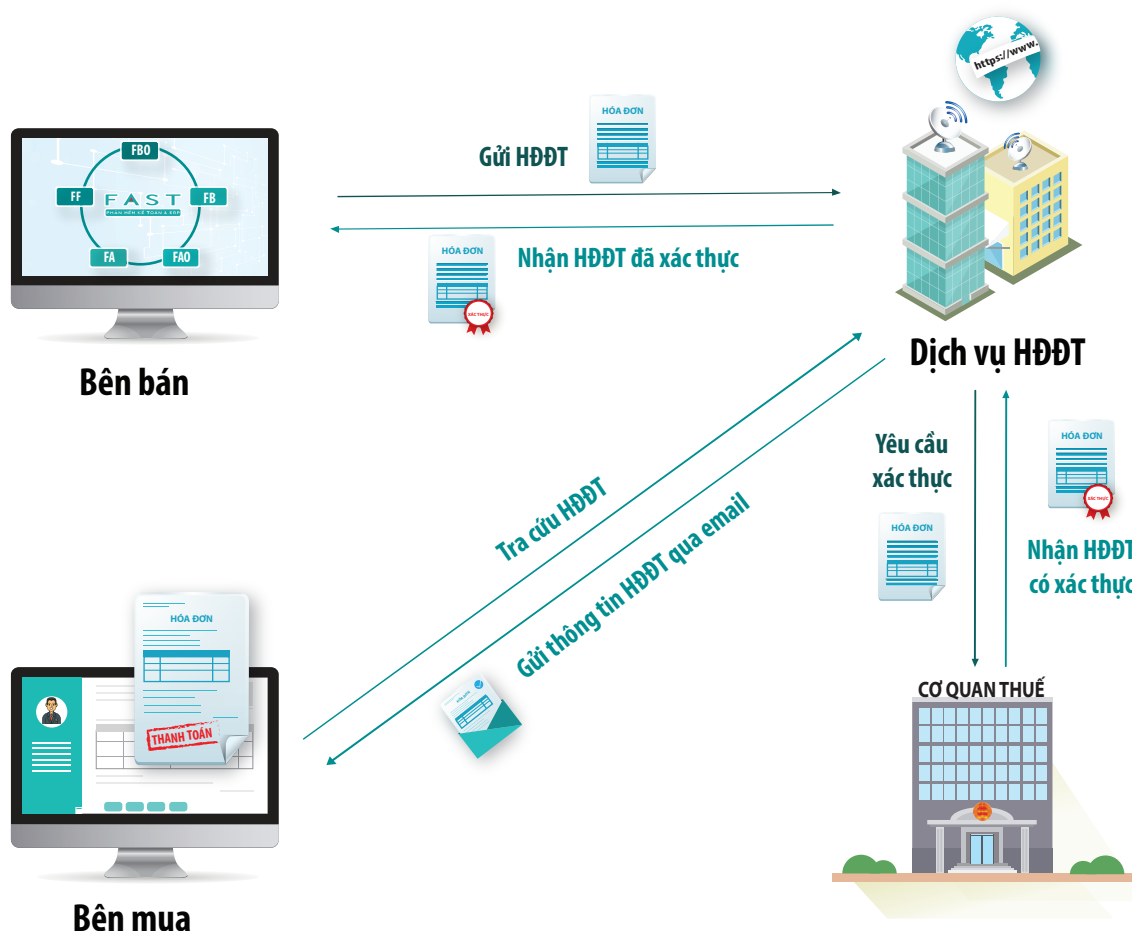
HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Tính năng lập Hóa Đơn Điện Tử (HDDT) cung cấp sự thuận tiện cho doanh nghiệp khi chỉ cần nhập liệu một lần trên phần mềm Fast Accounting là có thể tự động gửi dữ liệu hoá đơn lên phần mềm HDDT của FAST hoặc của một số nhà cung cấp thứ 3.

Các chức năng chính

- Lập danh sách các khách hàng sử dụng HDDT.
- Khi lập hoá đơn, tự động chọn sử dụng HDDT với các khách hàng có trong danh sách khách hàng sử dụng HDDT.
- Tùy chọn hoá đơn xác thực hoặc không xác thực khi hoàn thành hoá đơn.
- Hỗ trợ hoá đơn bán hàng, hoá đơn dịch vụ, hóa đơn điều chỉnh giá hàng bán, hóa đơn giảm giá hàng hóa - dịch vụ, phiếu xuất trả lại nhà cung cấp, hóa đơn dịch vụ trả lại nhà cung cấp.
- Hỗ trợ phát hành, huỷ hoặc điều chỉnh hoá đơn.
- Báo cáo tình trạng của hoá đơn.

Mô hình ứng dụng hóa đơn điện tử



Hiện FAST đang hỗ trợ cho các doanh nghiệp sử dụng HDDT của FAST hoặc do một số bên thứ ba cung cấp.

- Phiên bản đầu tiên phát triển từ năm 1997.
- Hiện có trên 14.000 khách hàng.
- Làm việc qua internet với tốc độ cực nhanh.
- FAST thực hiện chỉnh sửa theo yêu cầu đặc thù của khách hàng.



CÔNG TY CP PHẦN MỀM QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (FAST)

Hà Nội

Tầng 3, tòa nhà CT1B, khu VOV, phường Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm
Đt: (024) 7108-8288, Fax: (024) 3771-5591

Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 9, Tòa nhà Waseco, 10 Phố Quang, Q. Tân Bình
Đt: (028) 7108-8788, Fax: (028) 3848-6068

Đà Nẵng

39-41 Quang Trung, Q. Hải Châu
Đt: (0236) 381-0532, Fax: (0236) 381-2692

Email: info@fast.com.vn | Website: www.fast.com.vn